| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐA**<br>**THÀNH PHỐ HN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Đôc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: **132**/2024/QĐST-HNGĐ | *ĐA, ngày 25 tháng 3 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa:

**Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1987; Nơi thường trú: Xóm C, thôn Đ, xã KN, huyện ĐA, thành phố HN; Nơi cư trú: Thôn ĐH, xã ĐH, huyện SS, thành phố HN.

**Bị đơn:** Anh **Nguyễn Duy S**, sinh năm 1982; Nơi thường trú: Xóm C, thôn Đ, xã KN, huyện ĐA, thành phố HN.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2024.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy S. Quan hệ hôn nhân của hai bên chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy S có 02 con chung là cháu Nguyễn M.H – Sinh ngày 08/6/2012 và cháu Nguyễn D.K – Sinh ngày 24/4/2015. Khi ly hôn, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn M.H và cháu Nguyễn D.K cho đến khi các cháu thành niên, có khả năng tự lập về kinh tế hoặc có sự thay đổi khác. Chị T, anh S tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản:** Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy S không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm**: 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* mỗi bên chịu 1/2, hai bên thỏa thuận để chị Trần Thị T chịu toàn bộ nhưng được trừ vào 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* chị T đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0017045 ngày 15/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA, thành phố HN. Chị Trần Thị T được hoàn lại số tiền 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng).*

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***
*- Đương sự;*
*- VKSND huyện ĐA;*
*- UBND xã KN;*
*(Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2011*
*Ngày 26/8/2011)*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

***Nguyễn Văn Khánh***